

Bản án số: 10/2023/DS-ST.

Ngày: 24/7/2023.

“V/v: *Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Cảnh.
2. Bà Vương Thị Hội.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Phạm Thị Tố Uyên là Thư ký Toà án nhân dân (TAND) huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Kbang tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Quang Đạt - Kiểm sát V (KSV).

Ngày 24/7/2023, tại trụ sở TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2023/TLST-DS ngày 10/02/2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐXXST - DS ngày 09/6/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 07/2023/QĐST-DS ngày 04/7/2023, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng C (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo L, quận H, TP. Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền là bà Đinh Thị Thu H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Địa chỉ: Số 265 Q, thị trấn K, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông B và bà V vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 được bổ sung tại Bản tự khai ngày 10/02/2023, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đinh Thị Thu H trình bày:

Ngày 18/3/2018, ông Nguyễn Thanh B đã vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng C (*sau đây gọi tắt là Ngân hàng*) thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200022033, mục đích sử dụng tiền vay: Đào giếng, xây nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 18/3/2018; lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp.

Theo thỏa thuận với Ngân hàng tại thời điểm vay thì ông B là người vay, bà V là người thừa kế món vay; hàng tháng gia đình ông B phải nộp lãi cho Ngân hàng nhưng đến nay gia đình ông chưa trả lãi cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc, nhắc ông B trả nợ lãi theo kỳ hạn đã cam kết. Vì vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V phải trả cho Ngân hàng số tiền 8.000.000 đồng nợ gốc, 722.763 đồng nợ lãi trong hạn tính đến ngày 09/01/2023, tổng cộng là 8.722.763 đồng.

Tại Bảng kê tính lãi bổ sung, Ngân hàng bổ sung yêu cầu ông B và bà V phải trả thêm số tiền nợ lãi trong hạn phát sinh từ ngày 10/01/2023 đến ngày 24/7/2023 (*ngày xét xử sơ thẩm vụ án*) là 384.658 đồng. Như vậy, Ngân hàng yêu cầu ông B và bà V phải trả nợ tổng cộng là 9.107.421 đồng, gồm: Nợ gốc là 8.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn là 1.107.421 đồng (*tính đến ngày 24/7/2023*) cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 25/7/2023 cho đến khi ông, bà trả xong nợ.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm:

- 01 Quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng và thi hành án số 7300/QĐ-NHCS ngày 19/9/2019 của Ngân hàng C (bản sao);
- 01 Sổ vay vốn đứng tên người vay Nguyễn Thanh B (bản sao);
- 01 Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ đối với khách hàng Nguyễn Thanh B (bản sao);
- Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay đứng tên người vay Nguyễn Thanh B (bản sao).
- 01 Giấy ủy quyền đề ngày 19/9/2017 giữa bên ủy quyền là bà Nguyễn Thị V và bên được ủy quyền là ông Nguyễn Thanh B (bản sao).
- 02 bảng kê tính lãi (bản chính).

Đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V: Sau khi thụ lý vụ án, TAND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đã triệu tập ông B, bà V đến Tòa án làm việc để nhận Thông báo thụ lý vụ án, làm Bản tự khai trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải do Toà án tổ chức nhưng ông, bà không chấp hành có mặt làm việc.

Do vụ án không tiến hành công khai chứng cứ và hoà giải được vì ông B, bà V vắng mặt nên Toà án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa lần thứ nhất mở vào ngày 04/7/2023 và tại phiên tòa hôm nay, mặc dù Toà án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng ông B, bà V luôn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo như quy định tại các Điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015.

Tại phiên tòa, KSV phát biểu quan điểm của VKSND huyện Kbang, tỉnh Gia Lai về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 94, 95, 96, 108, 144, 147, 179, 180, 227, 228, 238 và 266 của BLTTDS năm 2015; các Điều 117, 118, 119, 280, 357, 463, 466, 468 và 470 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền là 9.107.421 đồng, gồm: 8.000.000 đồng nợ gốc và 1.107.421 đồng nợ lãi trong hạn (*tính đến ngày 24/7/2023*) cũng như trả số tiền nợ lãi phát sinh từ ngày 25/7/2023 cho đến khi ông B, bà V trả xong nợ.

Buộc ông B và bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) theo quy định. Ngân hàng được hoàn trả tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự:

Ngân hàng C khởi kiện yêu cầu người vay là ông Nguyễn Thanh B và người thừa kế khoản vay là bà Nguyễn Thị V cùng có địa chỉ tại Thôn X, xã Đ, huyện K, tỉnh Gia Lai phải trả số tiền còn nợ theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200022033 đã ký kết. Do đó, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù đã được Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai thông báo, tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông B, bà V đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng ông B, bà V đều vắng mặt không có lý do và cũng không ủy quyền cho ai tham gia tố tụng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng là bà Đinh Thị Thu H vắng mặt nhưng bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại các Điều 227, Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, HĐXX thấy rằng: Chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200022033 cùng Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 10/3/2018 đã thể hiện vào ngày 18/3/2018 ông B, bà V có vay vốn tín dụng ưu đãi của Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch huyện Kbang, tỉnh Gia Lai với số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng theo Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200022033, mục đích sử dụng tiền vay: Đào giếng, xây nhà vệ sinh; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 18/3/2018; lãi suất cho vay là 9%/năm, lãi suất quá hạn được tính bằng 130% lãi suất trong hạn, hình thức bảo đảm tiền vay: Cho vay tín chấp. Ông B phải trả lãi đối với khoản vay theo phương thức hàng tháng vào ngày 18. Tất cả các điều kiện trên của bên cho vay (Ngân hàng) đối với bên vay (ông B) đã được ông B ký xác nhận, vợ ông B là bà Nguyễn Thị V cũng ký nhận thừa kế món vay.

Tuy nhiên, kể từ khi vay vốn cho đến nay, ông B và bà V sử dụng vốn vay không hiệu quả, không trả được nợ lãi theo đúng cam kết nên ông, bà đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến thời điểm ngày 24/7/2023 (*thời điểm xét xử sơ thẩm*), ông B, bà V còn nợ Ngân hàng là 8.000.000 đồng nợ gốc và 1.107.421 đồng nợ lãi trong hạn. Vì vậy, việc Ngân hàng khởi kiện ông B, bà V để thu hồi nợ là có căn cứ, đúng pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông B và bà V không hợp tác làm việc, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú gây khó khăn cho việc tổng đạt giấy tờ nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp văn bản tố tụng cho ông B, bà V được. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông, bà luôn vắng mặt khi Tòa án triệu tập làm việc, không chấp hành các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, từ chối bỏ quyền tham gia tố tụng của mình, điều này đã thể hiện rõ việc ông, bà có vay nợ tiền của Ngân hàng nên ông, bà phải có nghĩa vụ trả nợ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông B và bà V phải trả nợ cho Ngân hàng với số tiền nợ gốc là 8.000.000 đồng và nợ lãi trong hạn (tính đến ngày 24/7/2023) là 1.107.421 đồng, tổng cộng là 9.107.421 đồng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm (DSST): Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà V phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là 9.107.421 đồng x 5% = 455.371 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lý trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 93; Điều 94; Điều 95; Điều 96; Điều 108; Điều 144, Điều 147; Điều 179; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 238, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C, buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền nợ phát sinh từ Sổ vay vốn có mã khách hàng 4200022033 là 9.107.421 đồng (Chín triệu, một trăm linh bảy nghìn, bốn trăm hai mươi một đồng), gồm: 8.000.000 đồng nợ gốc và 1.107.421 đồng nợ lãi trong hạn (*tính đến ngày 24/7/2023*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Về án phí DSST: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị V phải chịu 455.371 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng hàng C thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện Kbang, tỉnh Gia Lai số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003745 ngày 08/02/2023 của Chi cục THADS huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu TAND tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự (LTHADS) thì người được thi hành án dân sự (THADS), người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án (THA), quyền yêu cầu THA, tự nguyện THA hoặc bị cưỡng chế THA theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của LTHADS; thời hiệu THA được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của LTHADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện Kbang;
- Chi cục THADS huyện Kbang;
- Các đương sự;
- Lưu HSPA, VPTA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Phương

